

Cái nhìn của kẻ hậu sinh với bậc tiền bối

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Nguyễn Văn Khánh

Nhận lời đóng góp bài với đặc san Hội Ái Hữu Petrus Ký, tôi có cái suy nghĩ mãi nên chọn đề tài nào cho thích hợp với đường lối của Hội, một hội đã được cảm tình của nhiều người cũng như được sự ủng hộ khắp mọi nơi của những người đã một thời biết đến trường trung học Petrus Ký. May mắn thay ông Phan gửi cho tôi tờ Đặc san 2000 của Hội năm rồi, tôi đọc đi đọc lại và tự nghĩ rằng: Nội dung thật phong phú, ấn loát tuyệt vời, quả sẽ là một nhịp cầu thông cảm bốn phương trời cho những ai từng biết đến Trường Trung học Petrus Ký.

Trong bài “Thay lời tựa” của Giáo sư Nguyễn Xuân Hoàng đã nêu lên “ở với họ mà không theo họ” rồi Giáo sư Hoàng lại ghi tiếp “nhưng hình như công việc của Trương Vĩnh Ký không đủ sức đánh tan mối nghi ngờ của những người đương thời cũng như những kẻ hậu sinh”.



Cửa chính vào khu nhà mộ Trương Vĩnh Ký tại Chợ Quán (Sài Gòn) (Ảnh chụp Tháng 12 Năm 2000)

Là kẻ hậu sinh, tôi lại là người sống qua các thời kỳ: Pháp thuộc, Nhật thuộc, Việt Minh kháng chiến rồi Cộng hòa và hiện nay đang hưởng bầu không khí tự do của một quốc gia thật sự dân chủ, mà tôi đã làm việc ở đây trên 20 năm qua có một cái nhìn về nhà Đại văn hào Tiền bối Petrus Ký đầy sự cảm mến và cảm phục.

Thật vậy, ngay từ khi mở mắt chào đời năm 1837 ở quận Cái Mơn, xã Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Long với cái tên thánh là Petrus Jean-Baptiste lại cũng là thời kỳ đạo Công giáo đang bị vua Minh Mạng hạ

lệnh cấm với đạo dụ được ban hành năm Ất Dậu 1825:

“Đạo phương Tây là tà đạo làm mê hoặc lòng người và huỷ hoại phong tục cho nên phải nghiêm cấm để khiến người ta phải theo chính đạo”.

Minh Mạng băng hà, Thiệu Trị kế vị năm 1841-1847 vẫn tiếp tục chính sách cấm đạo và trị tội những người theo đạo Thiên Chúa. Sang đến đời Tự Đức từ năm 1847 đến năm 1883 thì việc cấm đạo còn thô bạo hơn các triều đại trước. Luật xử tử hình những giáo sĩ ngoại quốc vào nước Nam giảng đạo. Luật buộc dân có đạo phải bỏ đạo nếu không bị khắc chữ vào mặt và đày đi định cư ở những nơi rừng thiêng nước độc. Trương Vĩnh Ký sinh ra và trưởng thành của cuộc đời mình ở vào thời kỳ cấm đạo nghiêm ngặt của triều Nguyễn mà ông vẫn giữ được đạo của mình tưởng không phải là dễ dàng.

Cũng thời kỳ ấy lại là thời kỳ mà lịch sử Việt Nam bắt đầu bước vào thời đen tối: Pháp mở đầu cuộc xâm lăng nước Việt. Năm 1854, Pháp bỏ Đà Nẵng vào đánh Nam Kỳ. Năm ấy, mới 22 tuổi đầu họ Trương đã chứng kiến cảnh mất ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường với Hòa ước Nhâm Tuất 1862. Quân Pháp không ngừng lại ở ba tỉnh phía Đông và tiếp tục lấy nốt ba tỉnh phía Tây: Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Thanh toán xong Nam Kỳ, Pháp đem quân ra Bắc Kỳ

lần thứ nhất và hạ thành Hà Nội năm 1873 rồi đưa tới Hòa ước Giáp Tuất 1874 và cũng kể từ Hoà ước này Nam kỳ tách ra khỏi nước Việt Nam và hoàn toàn thuộc Pháp. Năm trọn Nam kỳ, Pháp đem quân đánh Bắc kỳ lần thứ hai và hạ thành Hà Nội năm Nhâm Ngọ 1882. Lần này triều đình phải ký thêm một nhục ước nữa vào năm Quý Mùi 1883. Sau hiệp ước thì Việt Nam mất quyền tự chủ. Trong nước Nam vẫn còn có vua nhưng mọi quyền chính đều do Pháp nắm giữ.

Cũng năm 1883 sau khi Tự Đức băng hà thì xảy ra việc phế lập triều đình Huế khiến cho triều đình vô cùng suy yếu nên lại phải ký tiếp Hiệp ước Patenôtre ngày 6 tháng 6 năm 1884, một hoà ước tách rời hai khu vực Bắc kỳ và Trung kỳ. Năm 1887 ngày 15 tháng 11, Pháp lập Phủ Toàn Quyền cai trị toàn cõi Đông Dương Việt Miên Lào, triều đình nhà Nguyễn, vua chỉ còn là hư vị. Thời kỳ này Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký đã ở tuổi năm mươi. Cái tuổi Ngũ Thập Tri Thiên Mệnh ấy, cái tuổi định cho mình một đường lối sao cho thích hợp, không xu thời, nịnh thế, không a dua theo giặc quả thật là khó khăn.

Sống giữa lúc đạo của ông bị nghiêm cấm, thế chính trị đổi thay lại thêm trong nước giặc giã nổi dậy đánh phá khắp nơi, chẳng hạn như ở Bắc kỳ có giặc Tam Đường năm 1851, giặc Châu Chấu (Lê Duy Cự, Cao Bá Quát) năm 1854; Giặc Tạ Văn Phụng năm 1861; Cai Tổng Vàng Nguyễn Văn Thịnh năm 1862, giặc Khách ở Bắc Kỳ, dư đảng Thái Bình Thiên Quốc năm 1868 ...

Nhìn vào bối cảnh lịch sử trên, đất nước bị xâm lăng, giặc giã nổi lên khắp nơi, triều đình thì các quyền thần chuyên chế đưa tới sự rối loạn ngay trong triều.. Là một sĩ phu đương thời Trương tiên sinh vẫn giữ được tấm lòng ngay thẳng của mình, quả là đáng

quí và đáng kính. Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký tự chọn cho mình con đường đi cách đây gần 200 năm để trở thành nhà Đại Văn hào nước ta thật là khôn ngoan và khéo léo.

Đất nước không phải chỉ là của những con người đấu tranh, phá đổ hết thảy, để trở thành anh hùng thời đại. Đất nước lại càng không phải của những người hợp tác với ngoại bang để hà hiếp dân lành. Đất nước còn là sự đóng góp to lớn của những con người ôn hoà, hiếu đức và xây dựng. Trương Vĩnh Ký là con người ở khuynh hướng ôn hoà đó. Ông cũng đã chú tâm vào tu học để cho mình một kiến thức vững chắc. Nhờ vậy ông học thông viết thạo tới 15 sinh ngữ khác nhau, ông còn chú tâm vào các sinh hoạt văn hoá đặc biệt là văn hoá Á Châu. Cũng vì vậy mà ông từng là Hội Viên của Hội Nhân Chứng Học và Khoa Học miền Tây nước Pháp. Mục đích của hội này chuyên khảo cứu về văn hoá Á Châu và xử dụng ngôn ngữ Phương Đông. Ý thức được sự quan trọng của ngành truyền thông qua báo chí Trương Vĩnh Ký đã nhận lãnh ngay chức Giám đốc Chủ nhiệm Gia Định báo năm 1868. Đây là một tờ báo Việt ngữ xuất hiện đầu tiên tại Sài Gòn và cũng là tờ báo đầu tiên tại Việt Nam. Tờ báo xuất bản mỗi tháng một kỳ, ấn hành 4 trang, khổ giấy 25x32. Trước khi Gia Định báo ra đời năm 1865 thì Sài Gòn chỉ xuất hiện những tờ báo Pháp ngữ: Tờ Le Bulletin Officiel de l'Expédition de la Cochinchine từ năm 1861 đến năm 1888. Tờ Le Bulletin des Communes năm 1862 và tờ Le Courier de Sài Gòn năm 1864. Sĩ Tải Petrus Jean Baptiste Trương Vĩnh Ký còn được sự hợp tác đặc lực của ông Huỳnh Tịnh Của giữ chức vụ Chủ bút Gia Định báo. Cả hai ông đều chủ trương lối học mới dùng báo chí để phát triển mạnh mẽ chữ Quốc ngữ và

khuyến khích dân chúng học chữ Quốc ngữ. Mục đích chính là dùng chữ Quốc ngữ để thay thế cho chữ Hán. Chữ Hán là một thứ chữ khó học nếu so sánh với học chữ Quốc ngữ. Và lại chữ Hán chỉ có một số sĩ phu hay quan lại hiểu biết mà thôi.



Tượng Trương Vĩnh Ký sau Nhà thờ Cái Mơn
(Ảnh chụp Tháng 12 năm 2000)

Là kẻ hậu sinh, là con cháu, chúng ta có ngờ đâu rằng các bậc tiền bối ấy đã là những người tiên phong đặt nền móng cho chữ Quốc ngữ để ngày nay chữ Quốc ngữ đã là con dao hai lưỡi, đẩy lùi chữ Hán, cạnh tranh với chữ Pháp bước lên địa vị then chốt của nền học vấn nước nhà ở cả ba bậc Tiểu, Trung và Đại học. Chỉ một việc này thôi tên tuổi Trương Vĩnh Ký đã đáng được ghi danh trong nền văn hoá nước nhà. Ông đâu có ngừng lại ở điểm đó, khi ông mất năm 1898, ông đã để lại cho đời sau trên 100 bộ sách vô cùng giá trị. Những bộ sách đó thuộc đủ mọi thể loại với những công trình nghiên cứu vô cùng xuất sắc. Nhà đại văn hào Cái Mơn, xã Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Long ấy xứng

đáng có một chiếu ngời sáng chói trong lịch sử Văn học nước nhà. Lại nữa, mấy bộ sách văn cổ Việt Nam như là Bộ Tự Điển Danh Nhân An Nam. Bộ Thông loại khoá trình do ông chủ biên xuất bản được 18 tập, chúng tỏ sự uyên thâm bác học của Trương Vĩnh Ký.

Trương Vĩnh Ký, một người đã mang cả đời mình trong công việc khảo cứu, sáng tác như thế nên danh của ông đã là cái gương sáng chói cho hậu thế soi chung. Dem danh hiệu Petrus Ký để đặt tên cho một trường Trung học quả thật là khá khiêm tốn. Và cũng với danh xưng ấy, ngôi trường Petrus Ký đã đào tạo cho đất nước biết bao nhiêu là nhân tài, xứng đáng với danh hiệu đã đề ra. Tiếc thay năm 1975, với vận suy của đất nước. Danh hiệu Petrus Ký cũng bị tân chế độ đổi thay. Ngày nay người ta gọi là trường Trung học Lê Hồng Phong. Để đọc giả suy ngẫm, tôi cũng ghi lại ở đây đôi dòng về tiểu sử Lê Hồng Phong được trích ở trang 202 trong cuốn kỷ niệm Sài Gòn 300 năm vừa được ấn hành:

“Lê Hồng Phong tên thật là Lê Huy Doãn, sinh năm 1902, quê thôn Đông Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An, một chiến sĩ xuất sắc trung kiên của đảng Cộng Sản Việt Nam. Đến cuối năm 1937, hoạt động ở Sài Gòn Chợ Lớn, tham gia lãnh đạo phong trào toàn quốc. Giữa năm 1938, ông bị Pháp bắt ở Chợ Lớn, kết án 10 tháng tù. Ngày 29 tháng 9 ông bị bắt lần thứ hai, đưa vào giam ở khám lớn Sài Gòn, rồi kết án 5 năm tù đầy đi Côn đảo. Ông mất ngày 6 tháng 9 năm 1942 vì bị tra tấn dã man, bệnh nặng và suy yếu.”

Để kết luận về “Cái nhìn của kẻ hậu sinh với bậc tiền bối Trương Vĩnh Ký” đã được mang danh hiệu cho trường Trung học lớn tại Sài Gòn suốt gần nửa thế kỷ qua từ năm 1927 đến năm 1975, nơi đã đào tạo biết

bao nhân tài cho xứ sở, chúng ta mãi mãi
hãnh diện với danh hiệu “Petrus Ký”.

Tôi đã không-may mắn được học dưới ngôi
trường ấy, và không phải là người đồng
đạo với ông Trương Vĩnh Ký nhưng không
bao giờ chấp nhận sự cấm đạo dưới
Nguyễn triều. Một việc làm đầy thiếu cận,
hẹp hòi mà lịch sử đã phê phán, lên án
nặng nề. Lịch sử văn học nước nhà sẽ
dành cho Sĩ Tải Petrus Jean Baptiste
Trương Vĩnh Ký một vị trí xứng đáng.

Tôi đồng ý với lời kết luận của Giáo sư
Nguyễn Xuân Hoàng; “Trương Vĩnh Ký
xứng danh là một trong 18 nhà bác học của
Thế kỷ 19”. Tôi cũng xin tặng Hội Ái Hữu
Petrus Ký hai câu sau để tỏ tình thân hữu với
Quý hội:

*Trung học lừng danh Petrus Ký
Sĩ phu nổi tiếng đất Nam phần.*

Nguyễn Văn Khánh

Thơ Tạ Ký

Dáng Xưa

Tặng Bùi Giáng

*Để em theo dõi bụi ngàn,
Dáng xưa còn đọng thời gian mắt sâu.
Buồn lên từ thuở bạc đầu,
Đôi tay vô vọng nguyện cầu dáng xưa.*

Tạ Ký

Thơ Tạ Ký



Giao thừa giữa phố

Tặng Hoài Khanh

*Đêm nay có kẻ không nhà,
Thẩn thơ phố lạnh đợi qua giao thừa.
Hoa Xuân ngậm kín một mùa,
Ao tàn đạo trước tình chưa đổi dời,
Kinh thành ánh sáng chơi vơi,
Phấn son nghẽn lối, đất trời mênh mông.
Quê hương từ đẫm máu hồng,
Đò xưa người cũ sang sông mấy lần?
Mai vàng còn cọt gió Xuân?
Cô hàng xóm ấy chắc gần theo “dôn”.
Mẹ già thấy én mong con
Bờ tre ngô trúc biết còn xanh tươi?
Xa xôi mòn gót quê người,
Bốn phương lửa dựng, một đời gió mưa.
Xuân về nhà hẹp phen thưa,
Súng đâu nhắc nhở giao thừa máu xương!
Thẩn thơ đón lạnh giữa đường,
Núi xa trùng điệp, cố hương khuất rồi!*

Tạ Ký

